

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/HS-ST
Ngày 28- 8 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Ông Bùi Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2020/TLST- HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/9/1991, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Q, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và con bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Không; tiền án: 01, tại bản án số 105/2015/HSST ngày 27/08/2015 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn T 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”, hình phạt bổ sung: Phạt tiền 5.000.000đ, án phí: 200.000đ. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2016. Xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K xác định T đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm, chưa thi hành hình phạt bổ sung là khoản tiền phạt; tiền sự: 01, tại quyết định số 14/2017/QĐ – TA ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K buộc Nguyễn Văn T chấp hành cai nghiện bắt buộc 24 tháng tại Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Vĩnh Phúc. T chấp hành xong ngày 13/04/2019; nhân thân: Tại quyết định số 3026/QĐ – UBND ngày 29/08/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố K buộc Nguyễn Văn T cai nghiện bắt buộc 24 tháng tại Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/04/2020 đến nay (có mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Huy S, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Xã Lương S, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/04/2020, Nguyễn Văn T đang sửa xe máy thì nhận được điện thoại của một người nam giới tên T (T không rõ họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này). Qua nói chuyện, T rủ T đi mua ma túy đá và ma túy ngựa để cùng nhau sử dụng, T đồng ý. Sau khi sửa xe xong, T điều khiển xe máy BKS: 88F9 – 0974 đến khu vực cầu H, phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc đón T và chở T đi tìm mua ma túy. Trên đường đi, T đưa cho T số tiền 500.000đ. T cầm tiền điều khiển xe chở T đi mua một con gà với giá 200.000đ. Sau khi mua gà, T tiếp tục chở T đến khu vực vườn hoa thuộc phường X, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, T gặp một người nam giới lái xe ô tô không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ. Qua nói chuyện, T biết người nam giới này có khả năng mua được ma túy đá và ma túy ngựa nên T đưa cho người này 300.000đ và nhờ đi mua ma túy hộ T, người này cầm tiền và đi khoảng 10 phút sau, quay lại và đưa cho T một túi nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng và 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có in chìm ký tự “WY”. T hiểu đây là ma túy đá, ma túy ngựa nên cầm số ma túy trên đuc vào túi quần bên trái của T. Sau đó, T chở T đi về hướng khách sạn C thuộc phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc để cùng nhau sử dụng ma túy. Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 30/04/2020, khi đến gần cổng khách sạn C thì T và T bị tổ công tác công an phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra hành chính. Lúc này, T bỏ chạy thoát còn T bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc. Tang vật thu giữ tại túi quần bên trái của T 01 gói nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng và 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có in chìm ký tự “WY”(T khai nhận đây là ma túy đá và ma túy ngựa T vừa mua để cùng T sử dụng), được niêm phong ký hiệu A1; tạm giữ của T 01 xe mô tô BKS: 88F9 – 0974 đã qua sử dụng; 01 con dao bấm dài khoảng 20 cm; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, màu đen, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 1006/KLGD ngày 04/05/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Tinh thể dạng đá và viên nén màu hồng, trên một mặt của viên nén có in chìm ký tự “WY” của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,3836g; khối lượng Methamphetamine trong 0,3836g*

mẫu gửi giám định là 0,2237g”. Hoàn trả lại *0,2237g mẫu* và T bộ bao gói được hoàn lại sau giám định.

Về nguồn gốc số ma túy, quá trình điều tra, T khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T và T tìm đến khu vực phường S, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm mua ma túy. T gặp một người nam giới lái xe ôm không rõ nhân thân, địa chỉ, T đưa cho người này 300.000đ và nhờ đi mua ma túy hộ T. Người này cầm tiền, khoảng 10 phút sau quay lại đưa cho T 01 gói nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng và 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có in chìm ký tự “WY”. Sau đó, người nam giới lái xe ôm trên đi đâu, T không rõ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại công an phường S, thành phố K về người đàn ông mua ma túy cho T xong chưa xác định được người này là ai, ở đâu.

Tại Cáo trạng số: 119/CT-VKSND VY ngày 07/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người làm chứng tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra khai nhận như nội dung Bản cáo trạng đã nêu trên (bút lục 92 - 97).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/04/2020). Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 0,3247g mẫu và toàn bộ bao gói được hoàn lại sau giám định; 01 con dao bấm bằng kim loại có chuôi màu đỏ, dài khoảng 20 cm. Tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 4, màn hình bị vỡ, vỏ màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T.

Bị cáo T không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 30/04/2020, tại khu vực khu vực khách sạn C thuộc phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy (loại Methamphetamine) mục đích để sử dụng cho nhu cầu nghiện hút của bản thân thì bị tổ công tác công an phường H, thành phố K kiểm tra hành chính, phát hiện. Tang vật thu giữ của T 01 gói nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng và 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có in chìm ký tự “WY”, qua giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,3836g (không phẩy ba tám ba sáu gam).

Hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) ... Methamphetamine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an T trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe của con người, làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 5 năm nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp

dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo. Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan trong vụ án: Người nam giới lái xe ô tô đã mua hộ ma túy đá và ma túy ngựa cho T với giá 300.000đ. T không biết người lái xe ô tô mua ma túy ở đâu và không rõ nhân thân, địa chỉ của người này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại công an phường Tích S, thành phố K về người đàn ông mua ma túy cho T xong chưa xác định được người này là ai, ở đâu. Ngoài lời khai của T không có tài liệu gì xác định nhân thân, lai lịch người đã bán ma túy cho T. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về người nam giới tên T đưa cho T 500.000đ và cùng đi với T mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Quá trình điều tra, T khai nhận không biết họ tên, tuổi, địa chỉ của người này, chỉ biết người này tự giới thiệu tên là T nhà ở huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, người này có đặc điểm khoảng 30 tuổi, cao khoảng 1,6m, dáng người đậm. Tiến hành kiểm tra điện thoại của Nguyễn Văn T thấy rằng điện thoại của T bị vỡ màn hình không thể hiện được số điện thoại gọi đến, ngày 30/04/2020 sau khi nghe điện thoại của T thì T nhận được nhiều cuộc gọi khác nên không biết số điện thoại của T là số nào. Ngoài lời khai của T không có tài liệu gì xác định nhân thân, lai lịch người đàn ông tên T cùng đi mua ma túy với T. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 0,3247g mẫu và toàn bộ bao gói được hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 4, màn hình bị vỡ, vỏ màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là của T, ngày 30/04/2020, T sử dụng để liên lạc trao đổi việc mua trái phép ma túy để sử dụng nên cần tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 con dao bấm bằng kim loại có chuôi dao màu đỏ, dài khoảng 20 cm, quá trình điều tra T khai nhận con dao này T nhặt được trên đường đi ở gần nhà, đã cũ, hiện không có giá trị sử dụng, T không yêu cầu nhận lại con dao nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88F9 – 0974 thu giữ của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy này là của bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ bị cáo T). Quá trình mua bán, ông V và bà N có làm giấy tờ mua bán xe nhưng bà N đã làm mất nên chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Ngày 30/04/2020, T mượn xe mô tô bà N không biết T đi mua ma túy. Ngày 17/07/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả lại chiếc xe mô tô BKS: 88F9 – 0974 cho bà N, sau khi nhận lại tài sản bà N không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/4/2020).

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,3247g mẫu và T bộ bao gói được hoàn lại sau giám định; 01 con dao bấm bằng kim loại có chuôi màu đỏ, dài khoảng 20 cm. Tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 4, màn hình bị vỡ, vỏ màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 8 năm 2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đường

